

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thị trấn Quý Lộc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa”
(Trữ lượng tính đến ngày 05 tháng 9 năm 2024)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn; Quyết định số 26/2007/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên đá carbonat;

Căn cứ Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thị trấn Quý Lộc, huyện Yên Định;

Căn cứ Giấy phép số 56/GP-UBND ngày 25/4/2024 của UBND tỉnh về việc cho phép Công ty cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng Hưng

Phát được thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thị trấn Quý Lộc, huyện Yên Định;

Xét Đơn đề ngày 10/10/2024 kèm theo hồ sơ của Công ty cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng Hưng Phát đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thị trấn Quý Lộc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Phiếu đánh giá Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thị trấn Quý Lộc, huyện Yên Định của các chuyên gia và cán bộ chuyên môn thuộc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, UBND huyện Yên Định và hồ sơ chỉnh sửa của đơn vị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 11442/STNMT-TNKS ngày 12/12/2024, Tờ trình số 1747/TTr-STNMT ngày 14/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thị trấn Quý Lộc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung chính sau:

I. Vị trí, diện tích thăm dò, phê duyệt trữ lượng:

1. Vị trí, diện tích thăm dò:

Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 8,8374 ha, được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 12 (có tọa độ được xác định tại Phụ lục số 01A và Bình đồ phân khối và tính trữ lượng).

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo:

Trữ lượng địa chất cấp 121 + 122: 4.233.991 m³, cụ thể:

+ Cấp 121: 1.231.810 m³;

+ Cấp 122: 3.002.181 m³.

3. Khoáng sản đi kèm: Không.

4. Cao độ tính trữ lượng: Cos + 15 m.

Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02A.

II. Vị trí, diện tích thăm dò, phê duyệt trữ lượng lập dự án đầu tư:

1. Vị trí, diện tích thăm dò:

Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 7,2104 ha, được giới hạn bởi các điểm góc từ 1, 2, A, B, C, 10, 11 và 12 (có tọa độ được xác định tại Phụ lục số 01B và Bình đồ phân khối và tính trữ lượng).

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo:

Trữ lượng địa chất cấp 121 + 122: 3.754.540 m³, cụ thể:

+ Cấp 121: 917.115 m³;

+ Cấp 122: 2.837.425 m³.

3. Khoáng sản đi kèm: Không.

4. Cao độ tính trữ lượng: Cos + 15 m.

Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02B.

5. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:

- Khoáng sản chính: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường: Cấp 121 + 122: 3.754.540 m³, cụ thể:

+ Cấp 121: 917.115 m³;

+ Cấp 122: 2.837.425 m³.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Sở Tài chính;
- Cty cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng Hưng Phát;
- Lưu: VT, CN (T12.55).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG
KHOÁNG SẢN ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
TẠI THỊ TRẤN QUÝ LỘC, HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN 2000	
	(Kinh tuyến trực 105 ^{00'} , múi chiếu 3 ⁰)	
	X(m)	Y(m)
1	2220 313,47	557 210,66
2	2220 532,80	556 996,57
3	2220 409,48	556 859,58
4	2220 257,31	556 802,70
5	2220 234,39	556 732,28
6	2220 151,09	556 691,28
7	2220 101,13	556 742,33
8	2220 180,58	556 763,91
9	2220 228,25	556 817,86
10	2220 171,29	556 904,63
11	2220 255,00	557 010,00
12	2220 209,33	557 072,14
Diện tích khu vực thăm dò: 8,8374 ha		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỪ LƯỢNG
KHOÁNG SẢN ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
TẠI THỊ TRẤN QUÝ LỘC, HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA**

(Khu vực mở lập dự án đầu tư)

*(Kèm theo Quyết định phê duyệt trừ lượng số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN 2000	
	(Kinh tuyến trực 105 ⁰⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
	X(m)	Y(m)
1	2220 313,47	557 210,66
2	2220 532,80	556 996,57
A	2220 443,65	556 897,54
B	2220 342,47	556 877,64
C	2220 217,25	556 834,62
10	2220 171,29	556 904,63
11	2220 255,00	557 010,00
12	2220 209,33	557 072,14
Diện tích khu vực thăm dò: 7,2104 ha		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN
ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
TẠI THỊ TRẤN QUÝ LỘC, HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA**
(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (m ³)		Ghi chú
			Cấp 121	Cấp 122	
1	1-121	+ 15	84.252		
2	2-121	+ 15	1.147.558		
Trữ lượng cấp 121			1.231.810		
3	1-122	+ 15		114.892	
4	2-122	+ 15		2.887.289	
Trữ lượng cấp 122			3.002.181		
Tổng trữ lượng cấp 121 + 122			4.233.991		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN
ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
TẠI THỊ TRẤN QUÝ LỘC, HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA
(Khu vực mở lập dự án đầu tư)**

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (m ³)		Ghi chú
			Cấp 121	Cấp 122	
1	1a-121	+ 15	10.873		
2	2a-121	+ 15	906.242		
Trữ lượng cấp 121			917.115		
3	2a-122	+ 15		2.837.425	
Trữ lượng cấp 122			2.837.425		
Tổng trữ lượng cấp 121 + 122			3.754.540		